

Bản án số: 306/2024/DS-ST
Ngày: 12/9/2024.
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Nam

Ông Hà Bửu Khánh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:** Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2024/TLST-DS ngày 27/02/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2024/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Bảo A, sinh năm 1984 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: số 72, đường C, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Bảo A trình bày:

Vào ngày 19/11/2023 bà T có hỏi vay của ông số tiền là 56.000.000 đồng để lo chuyện gia đình, hẹn 30 ngày sẽ trả lại. Vì tin tưởng nên ông cho bà T vay số tiền 56.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng. Khi nhận tiền bà T có viết giấy nhận nợ cho ông ngày 19/12/2023.

Đến hẹn bà T không trả gốc và cũng không đóng lãi cho ông như đã thỏa thuận. Sau đó ông nhiều lần đến gặp yêu cầu bà T trả nợ, nhưng bà T chỉ hứa mà không thanh toán cho ông.

Tại đơn khởi kiện, ông yêu cầu Tòa án buộc bà T trả số tiền gốc 56.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 2%/tháng, từ ngày 19/11/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đến ngày 29/8/2024, ông làm đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông Bảo A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị T phải trả số tiền gốc 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng), ông tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi suất.

- *Bị đơn bà Lê Thị T*: Đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các thủ tục tố tụng nhưng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán còn đề vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị T phải trả số tiền gốc 56.000.000 đồng cho ông Trần Bao Anh. Do nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi suất nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Trần Bảo A yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị T phải trả số tiền vay 56.000.000 đồng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc trường hợp vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị T là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự (sau đây gọi tắt là BLTTDS) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; ông Bảo A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của các bên đương sự không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của BLTTDS.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, HĐXX sẽ căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền 56.000.000 đồng, xét thấy:

Biên nhận ngày 19/11/2023 thể hiện nội dung: Bà Lê Thị T có mượn của cháu Bảo A số tiền 56.000.000 đồng; trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hôm nay sẽ trả dứt điểm số tiền trên, giấy “biên nhận” có chứng kiến của Trần Kim Sang.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai bà Trần Kim Sang là người ký chứng kiến trong biên nhận mà nguyên đơn cung cấp, bà Sang xác định: *“Bà có biết việc vay tiền giữa bà Lê Thị T với ông Trần Bảo A, bà có ký chứng kiến tại biên nhận ngày 19/11/2023 giữa ông Bảo A với bà T, số tiền bà T vay là số tiền ghi trong biên nhận nhưng bà không nhớ rõ là bao nhiêu”*.

Như vậy, có căn cứ cho rằng bà T có vay số tiền vốn gốc 56.000.000 đồng của ông Bảo A là có thật. Thuộc trường hợp vay có thỏa thuận thời hạn thanh toán, không có thỏa thuận lãi suất (do trong biên nhận không thể hiện việc các bên thỏa thuận lãi suất). Tuy nhiên khi đến hạn thanh toán bà T không thanh toán theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, bà T có trách nhiệm phải trả cho ông Bảo A số tiền gốc 56.000.000 đồng đã vay theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[4] Về lãi suất cho vay: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Trần Bảo A yêu cầu tính lãi suất 2%/tháng từ ngày 19/11/2023, đến ngày xét xử sơ thẩm. Đến ngày 29/8/2024 nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự

nguyên nên HĐXX ghi nhận, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến nên HĐXX không xem xét.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bảo A là có căn cứ để HĐXX chấp nhận. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí:

- Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 56.000.000 đồng là 2.800.000 đồng (56.000.000 đồng x 5% = 2.800.000 đồng).

- Hoàn trả cho ông Trần Bảo A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bảo A về việc tranh chấp hợp đồng vay với bà Lê Thị T.

Buộc bà Lê Thị T phải có trách nhiệm trả cho Trần Bảo A số tiền gốc 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông Trần Bảo A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005744 ngày 27/02/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Ngọc Luân